

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 507/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 745/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H (có mặt)

Địa chỉ: XX ấp C, xã TX, huyện HM, Tp.HCM

Tạm trú: YY ấp C, xã TX, huyện HM, Tp.HCM

* Bị đơn: Ông Phạm Văn D (có mặt)

Địa chỉ: XX ấp C, xã TX, huyện HM, Tp.HCM

Tạm trú: YY ấp C, xã TX, huyện HM, Tp.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với Ông Phạm Văn D tại UBND xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên vào ngày 14/9/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/Quyển số 01 ngày 14/9/2004). Sau khi kết hôn, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính tình, Ông D là người đàn ông gia trưởng, không tôn trọng vợ, luôn tự quyết tất cả mọi việc trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng

thăng, ức chế. Năm 2013 ông D bị ung thư máu, điều trị tốn khá nhiều công sức và tiền bạc, hiện nay ông D bị biến chứng 1 mắt bị mù, 1 mắt còn lại bị mờ, sức khỏe suy giảm nghiêm trọng. Bà H một mình gánh vác gia đình về kinh tế, chăm sóc ông D tận tình chu đáo nhưng ông D luôn đòi hỏi người khác phải cố gắng hy sinh nhiều hơn cho bản thân ông D, mối quan hệ vợ chồng ngày càng nặng nề và không còn tình cảm thương yêu gì nhau. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên năm 2019 Bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn ông D, sau nhiều lần động viên hòa giải, vì hy vọng ông D sẽ thay đổi tính tình nên bà H rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, sống chung với nhau được vài tháng thì mối quan hệ vợ chồng không cải thiện và ngày càng xa cách, lạnh nhạt hơn, hiện nay bà H không còn tình cảm với ông D và không thể chung sống với ông D.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là:

+ Phạm Minh T, sinh ngày 28/3/2006

+Phạm Minh P, sinh ngày 22/6/2008

Hiện nay 02 trẻ T và P đang sống chung với bà H, sau ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi 02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông D thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như Bà Nguyễn Thị H trình bày là đúng. Ông D thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng, do tính cách hai bên không hòa hợp nên thường phát sinh mâu thuẫn tranh cãi nhau, tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Hiện nay ông D bị ung thư máu, điều trị tốn khá nhiều công sức và tiền bạc, ông D bị biến chứng 1 mắt bị mù, 1 mắt còn lại bị mờ, sức khỏe suy giảm nghiêm trọng.

Qua những lần hòa giải tại Tòa án, ông D cũng mong vợ chồng hàn gắn để đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn, do đó ông D không thể níu kéo nên đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 28/3/2006 và Phạm Minh P, sinh ngày 22/6/2008. Nếu ly hôn ông D đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi 02 con cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà H và ông D có thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên các bên không tự thỏa thuận được nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn D nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn Phạm Văn Dũng cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên vào ngày 14/9/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/Quyển số 01 ngày 14/9/2004), do vậy hôn nhân của bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông D nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà H trình bày căn cứ bà H yêu cầu ly hôn ông D là do bà H xác định không còn thương yêu, quan tâm đến ông D. Ngoài ra, do ông D có tính gia trưởng, không tôn trọng bà H nên cuộc sống vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ làm cho hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Phía ông D xác định vẫn còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến bà H. Hiện nay sức khỏe của ông D bị suy giảm nghiêm trọng, cuộc sống của ông D cần có sự giúp đỡ, chăm sóc, thương yêu từ gia đình nên có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân để gia đình đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông D có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay bà H và ông D vẫn sống chung một nhà nhưng không còn tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Trước

đây bà H đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn, hai bên đã tạo cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình bằng việc bà H đã rút đơn ly hôn, tuy nhiên quan hệ hôn nhân vẫn không cải thiện. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông D thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông D đã không có phương hướng, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, trong khi phía bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với ông D.

Xét thấy giữa bà H và ông D không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, như vậy mâu thuẫn giữa bà H và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 28/3/2006 và cháu Phạm Minh P sinh ngày 22/6/2008.

Bà H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay 02 con T và P đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Phía ông D có ý kiến trường hợp phải ly hôn thì đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 28/8/2020, 02 cháu T và P có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, việc Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con là phù hợp với lợi ích của con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi 02 con đối với ông D cho đến khi có đơn yêu cầu của bà H.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn D.

2/. Về nuôi con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là:

+ Phạm Minh T, sinh ngày 28/3/2006

+ Phạm Minh P, sinh ngày 22/6/2008

2.1. Giao 02 con chung là Phạm Minh T và Phạm Minh P cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi 02 con đối với ông D cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Hải đã nộp theo biên lai số AA/2019/0078395 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã HA, H.PH,
tỉnh Phú Yên;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh